

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 5805/VPCP-KTN ngày 17/7/2013 của Văn phòng Chính phủ về việc phê duyệt các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 164/TTr-STNMT ngày 29/7/2013 về việc phê duyệt Phương án khoanh vùng khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum (kèm theo hồ sơ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum, với các nội dung chủ yếu sau:

I. Mục tiêu:

- Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, bảo vệ, sử dụng có hiệu quả tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum; tạo điều kiện cho các hoạt động khoáng sản đảm bảo không vi phạm khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Xác định cụ thể các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đúng theo quy định của pháp luật.

II. Nội dung khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum:

Tổng diện tích khu vực cấm hoạt động khoáng sản và tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum gồm: 1.844 vị trí, khu vực, tuyến với tổng diện tích 297.777,27 ha, cụ thể:

1. Khu vực cấm hoạt động khoáng sản:

Gồm 1.111 vị trí, khu vực, tuyến có tổng diện tích là 297.421,31 ha, trong đó:

- Liên quan đến di tích lịch sử - văn hoá: 17 vị trí, diện tích 45,19 ha;
- Liên quan đến rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên: 99 tiểu khu, diện tích 93.402,79 ha;
- Liên quan đến rừng phòng hộ: 180 tiểu khu, diện tích 179.957,57 ha;
- Liên quan đất an ninh: 35 vị trí, diện tích 82,09 ha;
- Liên quan đất quốc phòng: 153 vị trí, diện tích 2.107,34 ha;
- Liên quan đến đất dành riêng tôn giáo: 76 vị trí, diện tích 54,35 ha;
- Liên quan đến công trình kết cấu hạ tầng giao thông: 16 vị trí - tuyến, diện tích 7.630,33 ha;
- Liên quan đến công trình thủy lợi, thủy điện, đê kè: 504 vị trí, diện tích 13.384,49 ha;
- Liên quan đến công trình cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, dẫn điện, thông tin liên lạc: 31 vị trí - tuyến, diện tích 757,16 ha.

2. Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản:

Gồm: 733 vị trí với diện tích 355,96 ha, trong đó:

- Liên quan đến đất di tích lịch sử chưa được xếp hạng: 732 vị trí, diện tích 346,64 ha;
- Liên quan đến đất quốc phòng, an ninh: 01 vị trí, diện tích 9,32 ha.

Điều 2. Số liệu khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản công bố tại Điều 1 của Quyết định này là căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng quản lý, bảo vệ: di tích lịch sử, văn hoá, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, công trình quốc phòng, an ninh, công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, đất dành riêng cho tôn giáo, đất đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, khu kinh tế và các khu vực công trình kết cấu quan trọng khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp UBND các huyện, thành phố; Báo Kon Tum, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh tổ chức phổ biến, tuyên truyền, công bố công khai; thông báo nghiêm cấm mọi hoạt động khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hoạt động khoáng sản trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đã được phê duyệt.

2- Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thành phố trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trường hợp có phát hiện, phát sinh những khu vực cần đưa vào khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thì báo cáo UBND tỉnh, đồng thời lập hồ sơ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn khi trình phê duyệt quy hoạch phải trình kèm theo ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép quy định tại Điều 82 của Luật Khoáng sản.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải (b/c);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Kon Tum;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN3, NC, VX, TH, KTTH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng